

Bản án số: 261/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 06 - 2025
V/v tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị A.
- Ông Bùi Hoàng Nguyên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 13 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 569/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 04 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 116/2025/QĐHPT-ST ngày 21 tháng 05 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Bạch Linh P, sinh năm 1979 (Có đơn xin vắng mặt).

Thường trú: 1 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Tôn L, sinh năm 1963 (Vắng mặt).

Thường trú: 1 T, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2024, nguyên đơn bà Hoàng Bạch Linh P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Tôn L tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 152 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/2016.

Quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về lối sống, quan điểm sống dẫn đến không thể chung sống hòa hợp được nữa. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, để ổn định cuộc sống, bà P yêu cầu Tòa án chấp nhận được ly hôn với ông L.

Về con chung, về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông L đến Tòa để tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên tòa, mặc dù ông L biết về việc bà P yêu cầu ly hôn với ông

nhưng ông L đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp các tài liệu chứng cứ hay phản bác đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Bạch Linh P yêu cầu ly hôn là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn ông Nguyễn Tôn L cư trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.1] Xét, nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn ông L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[1.2] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 152 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/11/2016, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Hoàng Bạch Linh P và ông Nguyễn Tôn L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

Xét, lời trình bày của bà P, quá trình chung sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, lối sống khác nhau. Cả hai đã cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng giữa hai người không còn tình cảm, không tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Hai người đã sống ly thân. Bà P yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà để bà được ổn định cuộc sống.

Xét, bị đơn ông Nguyễn Tôn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải nhằm gắn kết mối quan hệ vợ chồng, tại địa chỉ ông L cư trú Tòa án đã thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, tuy nhiên ông L đã viết bản tự khai nhưng lại gạch bỏ bản tự khai. Ngoài ra, các văn bản của Tòa án ông L đọc nhưng từ chối ký nhận. Do đó, tất cả các buổi làm việc tại Tòa án như mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng ông L đều không đến, việc ông không đến Tòa cho thấy ông không còn quan tâm và mong muốn hàn gắn mối quan hệ vợ chồng với bà P nữa.

Mục đích của việc xác lập hôn nhân là nhằm gắn bó quan hệ giữa người nam và người nữ trong quan hệ vợ chồng, để họ chung sống với nhau và xây dựng gia đình bình đẳng, tiên bộ, hạnh phúc, bền vững. Xét thấy quan hệ vợ chồng không còn, trách nhiệm giữa đôi bên với nhau không có nên tình trạng vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà P tự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà P là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ vào Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Bạch Linh P được ly hôn với ông Nguyễn Tôn L.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà P phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0075114 ngày 12/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Q.10;
- UBND Phường 14, Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**



Nguyễn Phương Lan